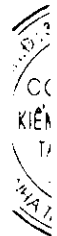


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 – 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 – 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2011	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011	14 – 40
8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2004, Điều lệ sửa đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 166.500.000.000 VND.

Cơ cấu góp vốn điều lệ thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ngô Văn Ích	50.426.450.000	30,3%
Ngô Tuấn Kiệt	32.954.550.000	19,8%
Đào Thị Minh Hương	16.650.000.000	10,0%
Huỳnh Phú Điền	3.800.000.000	2,3%
Nguyễn Thùy Liễu	2.860.000.000	1,7%
Huỳnh Long Quân	2.572.500.000	1,5%
Các cổ đông khác	57.236.460.000	34,4%
Cộng	166.499.960.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : (058) 3 831 043
Fax : (058) 3 831 034
E-mail : ntsf@dng.vnn.vn
Website : www.nhatrangseafoods
Mã số thuế : 4 2 0 0 5 6 7 4 2 8

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến thủy sản F17	Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến thủy sản F90	Số 01, Phước Long, Bình Tân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Vật tư thủy sản	Số 05, Đường Sinh Trung, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Xây dựng, kinh doanh địa ốc;
- Vận tải hàng hóa, hành khách;
- Sản xuất, gia công máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh;
- Lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh;
- Mua bán máy móc thiết bị và vật tư;
- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Khai thác nước khoáng nóng;
- Khai thác bùn khoáng;
- Sản xuất và kinh doanh nước đá cây.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay tăng đáng kể so với năm trước do tăng sản lượng và tăng giá bán hàng thủy hải sản xuất khẩu.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

Trong năm 2011, Công ty tạm chia cổ tức năm 2010 theo Biên bản họp của Hội đồng quản trị ngày 15 tháng 01 năm 2011 và ngày 10 tháng 8 năm 2011 là 41.624.990.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2007
Bà Nguyễn Thùy Liễu	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	27 tháng 3 năm 2007
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	27 tháng 3 năm 2007
Bà Phạm Ngọc Thảo	Thành viên	27 tháng 3 năm 2007

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	27 tháng 3 năm 2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	27 tháng 3 năm 2007
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	27 tháng 3 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải:

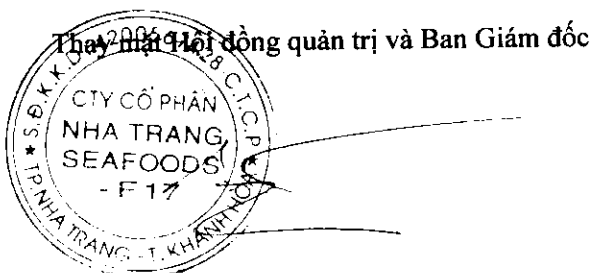
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán được ghi chép, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 18 tháng 4 năm 2012

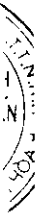


**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn



Số: 082/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 là cổ đông sáng lập đăng ký sở hữu 35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 đã góp 10.500.000.000 VND bằng giá trị tài sản trên đất tại số 777, Đường Lê Hồng Phong, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động và đang làm các thủ tục giải thể. Báo cáo tài chính của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty này.

Kiểm toán viên chưa được tiếp cận với các số liệu tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin nên không có cơ sở để xem xét đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 (xem thuyết minh V.14 và VIII.8).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng do giới hạn nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
Chi nhánh Nha Trang – Khánh Hòa



Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0979/KTV

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1513/KTV

TP. Nha Trang, ngày 18 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.167.384.368	224.380.894.861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	107.484.317.632	131.161.789.149
1. Tiền	111		44.484.317.632	20.061.789.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	111.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.590.083.294	53.149.211.285
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	95.952.977.675	41.435.785.918
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	4.224.200.680	1.811.258.030
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	807.991.075	10.044.591.567
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.395.086.136)	(142.424.230)
IV. Hàng tồn kho	140		54.572.410.033	30.381.617.046
1. Hàng tồn kho	141	V.6	54.572.410.033	30.388.102.046
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(6.485.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.520.573.409	9.688.277.381
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	531.345.961	248.771.381
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.451.561.284	6.397.795.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		22.673.073	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.514.993.091	3.041.710.460

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		268.095.312.200	207.228.135.070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		282.980.000	377.630.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.9	282.980.000	377.630.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		103.318.716.215	97.118.045.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	90.187.716.448	80.905.371.022
<i>Nguyên giá</i>	222		166.283.177.306	148.073.525.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(76.095.460.858)	(67.168.154.818)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	7.814.395.876	7.452.591.776
<i>Nguyên giá</i>	228		7.980.395.876	7.604.591.776
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(166.000.000)	(152.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	5.316.603.891	8.760.082.808
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		163.543.540.000	109.302.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	152.787.580.000	93.300.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	10.500.000.000	15.773.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	255.960.000	229.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		950.075.985	430.459.464
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	950.075.985	430.459.464
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		540.262.696.568	431.609.029.931

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		244.350.942.900	200.693.167.320
I. Nợ ngắn hạn	310		243.773.292.900	199.922.967.320
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	185.726.283.469	159.755.992.228
2. Phải trả người bán	312	V.18	25.222.604.717	14.385.923.442
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	514.243.137	372.003.096
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	6.435.827.783	1.295.319.736
5. Phải trả người lao động	315	V.21	5.895.537.674	4.981.430.784
6. Chi phí phải trả	316	V.22	9.123.507.850	6.866.038.994
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	1.518.272.357	1.673.542.737
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	9.337.015.913	10.592.716.303
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		577.650.000	770.200.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	577.650.000	770.200.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		295.911.753.668	230.915.862.611
I. Vốn chủ sở hữu	410		295.911.753.668	230.915.862.611
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	166.499.960.000	166.499.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	3.700.740.925	3.700.740.925
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	8.325.000.000	8.325.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	117.386.052.743	52.390.161.686
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		540.262.696.568	431.609.029.931

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.27	1.964.637.579	1.964.637.579
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.003.733,71	251.772,41
Euro (EUR)		441,08	238,09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Ngô Văn Ich
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

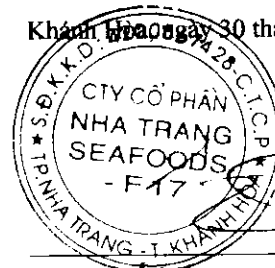
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.527.589.301.985	986.165.504.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		1.096.200.000	2.442.814.325
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.526.493.101.985	983.722.690.509
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.315.454.292.009	842.625.755.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		211.038.809.976	141.096.934.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	36.940.850.795	20.904.710.505
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.504.992.254	16.385.196.723
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.449.885.754	15.213.811.551
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	72.192.348.199	71.674.706.365
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	27.085.324.940	18.671.739.572
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		120.196.995.378	55.270.002.759
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.147.379.032	953.277.681
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.604.012.694	807.694.852
13. Lợi nhuận khác	40		(1.456.633.662)	145.582.829
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		118.740.361.716	55.415.585.588
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	12.114.635.294	3.213.225.611
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>106.625.726.422</u>	<u>52.202.359.977</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-


Trần Thiện Tâm
 Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2012



Ngô Văn Ich
 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		118.740.361.716	55.415.585.588
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định.	02	V.10, V.11	9.523.235.354	6.602.652.058
- Các khoản dự phòng	03		1.246.176.906	142.424.230
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(200.314.112)	826.936.767
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(21.386.369.320)	(7.286.356.193)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	22.449.885.754	15.213.811.551
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		130.372.976.298	70.915.054.001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.505.626.653)	173.164.582.868
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.525.231.987)	40.775.423.827
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.510.814.930	1.035.189.354
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(802.191.101)	(268.162.140)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(22.881.919.751)	(15.023.246.415)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(6.692.265.495)	(13.125.172.800)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.000.000	248.015.680
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.24	(1.255.700.390)	(3.449.561.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.230.855.851	254.272.122.540
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.197.459.293)	(40.289.911.409)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	753.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13, V.15	(40.646.960.000)	(33.164.310.432)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	7.163.606.318	7.168.356.193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.927.267.520)	(66.285.865.648)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	40.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	1.274.299.615.495	828.710.704.369
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(1.247.261.955.340)	(933.906.385.518)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(41.624.990.000)	(3.392.520.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.587.329.845)	(108.588.161.999)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(23.283.741.514)	79.398.094.893
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	131.161.789.149	51.903.400.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(393.730.003)	(139.706.495)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	107.484.317.632	131.161.789.149

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Ngô Văn Ich
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng; Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 985 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.079 nhân viên).
- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay tăng đáng kể so với năm trước do tăng sản lượng và tăng giá bán hàng thủy hải sản xuất khẩu.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và thực hiện việc ghi sổ trên máy vi tính.

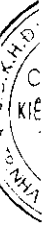
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí di dời, chi phí lập dự án,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty		
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%	

Tỷ lệ trích lập các quỹ còn được phê duyệt trong các Quyết định họp của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.317.277.029	10.729.097.678
Tiền gửi ngân hàng	43.167.040.603	9.332.691.471
Các khoản tương đương tiền	63.000.000.000	111.100.000.000
<i>(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)</i>		
Cộng	<u>107.484.317.632</u>	<u>131.161.789.149</u>

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh V.17).

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hàng thủy sản xuất khẩu	95.200.517.671	37.271.877.552
<i>Công ty Global Maharaja Pte. Ltd</i>	<i>35.137.429.598</i>	<i>4.991.459.664</i>
<i>Công ty Shun Fat Enterprise</i>	<i>29.423.749.758</i>	<i>6.883.237.114</i>
<i>Công ty Crustrade Pte Ltd</i>	<i>16.822.254.900</i>	<i>2.862.518.400</i>
<i>Công ty Great American Seafood Imports Co.,</i>	<i>3.674.059.200</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Boram Corporation Co.,ltd</i>	<i>2.471.871.206</i>	<i>1.012.891.155</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>7.671.153.009</i>	<i>21.521.771.219</i>
Phải thu hàng thủy sản bán nội địa	560.002.504	4.063.504.666
Phải thu khách hàng tại nhà hàng	192.457.500	73.137.500
Phải thu khách hàng tại cửa hàng	-	27.266.200
Cộng	<u>95.952.977.675</u>	<u>41.435.785.918</u>

Toàn bộ khoản phải khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh V.17).

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	2.990.993.850	-
Liên đoàn Địa chất Thủy văn Miền Trung	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH Bách Khoa	220.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Anh Phát	22.000.000	904.480.500
Trung Tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài nguyên Nước	23.000.000	100.000.000
Các nhà cung cấp khác	418.206.830	226.777.530
Cộng	<u>4.224.200.680</u>	<u>1.811.258.030</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	-	9.643.068.843
Thanh toán BHXH Khánh Hòa	130.486.898	109.564.846
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	144.408.000	144.408.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	511.777.777	118.000.000
Các khoản phải thu khác	21.318.400	29.549.878
Cộng	807.991.075	10.044.591.567

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	1.395.086.136	142.424.230
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	<i>1.395.086.136</i>	<i>142.424.230</i>
Cộng	1.395.086.136	142.424.230

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	142.424.230	1.964.637.579
Trích lập dự phòng bổ sung	1.252.661.906	142.424.230
Xử lý nợ khó đòi	-	(1.964.637.579)
Số cuối năm	1.395.086.136	142.424.230

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.683.716.331	1.889.147.782
Công cụ, dụng cụ	265.517.305	180.281.690
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	471.743.561
Thành phẩm	48.447.957.166	27.420.834.644
Hàng hóa	175.219.231	426.094.369
Cộng	54.572.410.033	30.388.102.046

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	503.662.628	248.771.381
Chi phí sửa chữa	27.683.333	-
Cộng	531.345.961	248.771.381

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.480.056.771	3.006.774.140
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	34.936.320	34.936.320
Cộng	1.514.993.091	3.041.710.460

9. Phải thu dài hạn khác

Khoản tiền bán cổ phiếu trả chậm phải thu người lao động nghèo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	38.375.897.789	97.786.509.323	10.928.540.466	982.578.262	148.073.525.840
Mua trong năm	637.100	8.027.765.227	4.287.562.274	55.867.272	12.371.831.873
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.124.780.798	1.814.108.339	-	-	6.938.889.137
Thanh lý, nhượng bán	-	(97.487.000)	(1.003.582.544)	-	(1.101.069.544)
Số cuối năm	43.501.315.687	107.530.895.889	14.212.520.196	1.038.445.534	166.283.177.306
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.357.100.419	28.319.328.224	889.724.447	692.653.776	32.258.806.866
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.453.592.452	52.179.141.285	3.774.339.844	761.081.237	67.168.154.818
Khấu hao trong năm	1.734.373.031	6.541.665.319	1.098.130.021	135.066.983	9.509.235.354
Thanh lý, nhượng bán	-	(41.973.569)	(539.955.745)	-	(581.929.314)
Số cuối năm	12.187.965.483	58.678.833.035	4.332.514.120	896.148.220	76.095.460.858
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	27.922.305.337	45.607.368.038	7.154.200.622	221.497.025	80.905.371.022
Số cuối năm	31.313.350.204	48.852.062.854	9.880.006.076	142.297.314	90.187.716.448
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17).

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.422.591.776	182.000.000	7.604.591.776
Tăng trong năm	375.804.100	-	375.804.100
Số cuối năm	7.798.395.876	182.000.000	7.980.395.876
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	142.000.000	142.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	152.000.000	152.000.000
Khấu hao trong năm	-	14.000.000	14.000.000
Số cuối năm	-	166.000.000	166.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	30.000.000	7.452.591.776
Số cuối năm	7.798.395.876	16.000.000	7.814.395.876

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	8.760.082.808	4.154.486.220	(6.938.889.137)	(659.076.000)	5.316.603.891
Công trình nuôi khoáng nóng Hòn Thơm	4.606.428.672	269.058.437	-	-	4.875.487.109
Kho lạnh 810 tấn	2.746.335.744	823.310.075	(3.569.645.819)	-	-
Máy nén và Moteur	659.076.000	-	-	(659.076.000)	-
Công trình nuôi khoáng nóng Khánh Vĩnh	225.467.600	6.000.000	-	-	231.467.600
Công viên bờ biển	201.554.182	-	-	-	201.554.182
Mỏ khoáng Ninh Hòa	4.095.000	4.000.000	-	-	8.095.000
Các công trình xây dựng cơ bản khác	317.125.610	3.052.117.708	(3.369.243.318)	-	-
Cộng	8.760.082.808	4.154.486.220	(6.938.889.137)	(659.076.000)	5.316.603.891

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ^(a)	1.500.000	15.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ^(b)	5.850.000	72.094.580.000	5.850.000	58.500.000.000
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89 ^(c)	1.980.000	19.800.000.000	1.980.000	19.800.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(d)	4.589.300	45.893.000.000		-
Cộng		152.787.580.000		93.300.000.000

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000067 ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT 15.000.000.000 VND, tương đương 98,68% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết 15.000.000.000 VND. Công ty dùng toàn bộ số cổ phần này để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5703000247 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, đăng ký thay đổi và cấp lại lần 5 vào ngày 06 tháng 4 năm 2010, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF 72.094.580.000 VND, tương đương 39,27% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 13.594.580.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã đầu tư đủ vốn điều lệ theo cam kết 72.094.580.000 VND. Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 29,29% vốn điều lệ và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF. Công ty dùng toàn bộ số cổ phần này để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh V.17).
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6003000044 ngày 06 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89 là 19.800.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết là 19.800.000.000 VND.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4201112127 ngày 10 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 3 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 88.000.000.000 VND; trong đó, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 góp 30.080.000.000 VND, chiếm 35% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 40.620.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 45.893.000.000 VND, tương đương 52,15% vốn điều lệ.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ⁽ⁱ⁾	-	-	527.300	5.273.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin ⁽ⁱⁱ⁾	1.050.000	10.500.000.000	1.050.000	10.500.000.000
Cộng		10.500.000.000		15.773.000.000

- (i) Tại ngày 31/12/2011, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang đang trình bày khoản đầu tư vào Công ty con (xem thuyết minh V.13).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Hiện tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngừng hoạt động và đang tiến hành các thủ tục giải thể. Công ty có thể gánh chi một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

15. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG). Số cuối năm là 16.179 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 255.960.000 VND (Số đầu năm là 13.483 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 229.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	272.986.958	642.294.541	(216.702.895)	698.578.604
Chi phí bảo hiểm	-	51.017.560	(16.094.712)	34.922.848
Chi phí khác	157.472.506	186.373.821	(127.271.794)	216.574.533
Cộng	430.459.464	879.685.922	(360.069.401)	950.075.985

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	185.726.283.469	151.334.828.128
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa⁽ⁱ⁾</i>	<i>132.011.341.580</i>	<i>72.308.827.798</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>41.807.925.889</i>	<i>79.026.000.330</i>
<i>Ngân hàng HSBC TP. Hồ Chí Minh⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>11.907.016.000</i>	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	8.421.164.100
Cộng	185.726.283.469	159.755.992.228

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy hải sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ (vay bằng USD 5,7%/năm, vay bằng VND 15,7%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động thu mua, nhập khẩu nguyên vật liệu và các chi phí khác phục vụ sản xuất kinh doanh thủy sản xuất khẩu. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn Công ty (trừ phân xưởng F90). Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng HSBC TP. Hồ Chí Minh bằng HKD để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất vay là 3%/năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay cá nhân	Cộng
Số đầu năm	151.334.828.128	8.421.164.100	159.755.992.228
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.271.465.787.495	2.833.828.000	1.274.299.615.495
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.236.006.963.240)	(11.254.992.100)	(1.247.261.955.340)
Giảm khác (do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại)	(1.067.368.914)	-	(1.067.368.914)
Số cuối năm	185.726.283.469	-	185.726.283.469

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	13.109.200.515	7.214.887.179
Công ty TNHH Hải Nam	2.160.384.050	199.029.600
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	3.306.741.819	176.395.829
DNTN Sản xuất và Thương mại Phước Kim Long	24.641.760	990.376.948
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	1.856.282.097	911.500.072
Các nhà cung cấp khác	4.765.354.476	4.893.733.814
Cộng	25.222.604.717	14.385.923.442

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyễn Minh Hiếu Thiện	-	360.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Hải sản An Toàn	503.245.953	-
Khách hàng khác	10.997.184	12.003.096
Cộng	514.243.137	372.003.096

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	156.041.312	(156.041.312)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	49.720.428	(49.720.428)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	719.950.460	12.114.635.294	(6.692.265.495)	6.142.320.259
Thuế thu nhập cá nhân	281.861.752	2.005.799.706	(2.310.334.531)	(22.673.073)
Thuế tài nguyên	-	32.948.550	(32.948.550)	-
Tiền thuê đất	-	600.520.600	(600.520.600)	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	293.507.524	2.051.026.625	(2.051.026.625)	293.507.524
Cộng	1.295.319.736	17.016.692.515	(11.898.857.541)	6.413.154.710

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán nội địa	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới do cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.
- Sản phẩm của Công ty có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

Với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau:

- Thuế suất áp dụng:
 - + Thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm kể từ khi chuyển sang hoạt động với loại hình Công ty cổ phần từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi;
 - + Thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác.
- Miễn thuế: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với tất cả các khoản thu nhập.
- Giảm thuế: Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với các khoản thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi.
- Doanh thu xuất khẩu trong năm 2011 của Công ty chiếm tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu nên Công ty được giảm thêm 20% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm 2011.

Theo Nghị định 24/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại. Riêng phần thuế thu nhập được giảm thêm 20% do tỷ trọng doanh thu xuất khẩu chiếm trên 50% doanh thu, sẽ được hưởng ưu đãi (nếu đáp ứng đủ điều kiện) đến hết năm 2011.

Năm 2011 là năm thứ tám Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và hết thời hạn được giảm thuế 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài ra, theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 do sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	118.740.361.716	55.415.585.588
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(13.121.215.066)	(5.441.244.021)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.496.329.489	1.102.428.669
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14.617.544.555)	(6.543.672.690)
Thu nhập tính thuế	105.619.146.650	49.974.341.567
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	26.404.786.663	12.493.585.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(5.220.279.269)	(2.460.997.984)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 20% từ thu nhập hoạt động xuất khẩu	(4.007.909.968)	(1.861.775.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% do cổ phần hóa	-	(4.921.995.967)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính	(5.061.962.132)	-
Trừ các khoản chi cho lao động nữ theo quy định	-	(35.590.658)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.114.635.294	3.213.225.611

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyênCông ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 3.000 VND/m³ với mức thuế suất 3%.**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối năm.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vụ kiện tôm (xem thuyết minh VIII.8)	5.227.000.000	3.070.086.492
Chi phí lãi vay	336.073.676	768.107.673
Chi phí điện nước, vận chuyển, hoa hồng ...	3.560.434.174	3.027.844.829
Cộng	9.123.507.850	6.866.038.994

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	823.416.147	883.081.425
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.283.475	210.283.475
Quỹ sắp xếp Đồi mới Doanh Nghiệp	441.888.093	441.888.093
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 tiền lương công nhân công trình 2008	-	135.403.744
Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	27.734.642	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.950.000	2.886.000
Cộng	1.518.272.357	1.673.542.737

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	9.292.213.012	(390.200.000)	8.902.013.012
Quỹ phúc lợi	1.300.503.291	(865.500.390)	435.002.901
Cộng	10.592.716.303	(1.255.700.390)	9.337.015.913

25. Phải trả dài hạn khác

Phải trả cho Nhà nước – khoản tiền mua cổ phiếu hộ nghèo chậm trả.

26. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngô Văn Ích	50.426.450.000	49.950.000.000
Ngô Tuấn Kiệt	32.954.550.000	32.908.550.000
Đào Thị Minh Hương	16.650.000.000	16.650.000.000
Huỳnh Phú Điền	3.800.000.000	3.800.000.000
Nguyễn Thùy Liễu	2.860.000.000	2.860.000.000
Huỳnh Long Quân	2.572.500.000	2.572.500.000
Các cổ đông khác	57.236.460.000	57.758.910.000
Cộng	166.499.960.000	166.499.960.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	41.624.990.000	3.392.520.850
Cộng	41.624.990.000	3.392.520.850

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.649.996	16.649.996
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.649.996	16.649.996
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.649.996	16.649.996

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.964.737.579	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	1.964.637.579
Số cuối năm	1.964.737.579	1.964.637.579

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.527.589.301.985	986.165.504.834
- Doanh thu hàng thủy sản	1.510.049.935.485	971.315.832.715
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng	10.592.078.091	8.995.770.355
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, vật tư	2.212.991.842	4.933.133.410
- Doanh thu hoạt động khác	4.734.296.567	920.768.354
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.096.200.000)	(2.442.814.325)
- Hàng bán bị trả lại	(1.096.200.000)	(2.442.814.325)
Doanh thu thuần	1.526.493.101.985	983.722.690.509
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hàng thủy sản	1.508.953.735.485	968.873.018.390
- Doanh thu thuần dịch vụ nhà hàng	10.592.078.091	8.995.770.355
- Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, vật tư	2.212.991.842	4.933.133.410
- Doanh thu thuần hoạt động khác	4.734.296.567	920.768.354

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng thủy sản	1.301.863.276.172	832.914.062.492
Giá vốn của dịch vụ nhà hàng	7.159.364.215	5.939.944.994
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	1.951.917.152	3.334.553.398
Giá vốn của hoạt động khác	4.479.734.470	437.194.711
Cộng	1.315.454.292.009	842.625.755.595

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.539.222.494	836.356.193
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	121.725.526	106.507.417
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.612.741.601	6.450.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.466.847.062	13.311.101.312
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	200.314.112	200.745.583
Cộng	36.940.850.795	20.904.710.505

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	22.449.885.754	15.213.811.551
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.055.106.500	143.702.822
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.027.682.350
Cộng	28.504.992.254	16.385.196.723

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.647.775.700	3.409.788.672
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	257.076.500	163.240.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.314.130.919	856.787.381
Phí ngân hàng	3.093.939.615	2.630.503.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.091.393.888	53.317.253.800
Chi phí bằng tiền khác	11.788.031.577	11.297.132.993
Cộng	<u>72.192.348.199</u>	<u>71.674.706.365</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.802.246.319	5.558.341.434
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	114.405.628	900.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	877.640.481	723.986.621
Thuế, phí và lệ phí	501.311.206	216.452.652
Chi phí dự phòng	2.374.274.406	422.849.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.422.637	444.804.346
Chi phí bằng tiền khác	16.065.024.263	11.304.405.289
Cộng	<u>27.085.324.940</u>	<u>18.671.739.572</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	753.545.455	-
Tiền công phân xưởng cơ điện năm trước	-	815.000.000
Chênh lệch công nợ	232.658.351	-
Các khoản thu nhập khác	161.175.226	138.277.681
Cộng	<u>1.147.379.032</u>	<u>953.277.681</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí phân xưởng cơ điện năm trước	-	327.000.000
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	519.140.230	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.051.026.625	-
Chi phí khác	33.845.839	480.694.852
Cộng	<u>2.604.012.694</u>	<u>807.694.852</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)



10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.129.391.911.282 ✓	640.177.338.048
Chi phí nhân công	71.022.748.600	51.270.308.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.523.235.354 ✓	6.602.652.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.043.502.050	63.766.693.422
Chi phí khác	43.075.197.963	34.107.693.091
Cộng	<u>1.315.056.595.249</u>	<u>795.924.684.642</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Trong năm Hội đồng quản trị đã quyết định chuyển 13.594.580.000 VND - tiền cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để tăng phần vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.

Ngoài ra, Công ty đã trả trước tiền mua một số tài sản cố định trị giá 929.417.600 VND (số năm trước là 1.634.080.500 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.3 đến VIII.7 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc		
Tiền lương và tiền thưởng	1.903.441.110	1.627.981.000
Thù lao Hội đồng quản trị	4.845.365	1.950.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty con
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood F.89	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy sản NT		
Mua hàng nội địa	5.613.015.709	17.703.241.463
Tạm ứng tiền hàng	8.410.000.000	-
Ủy thác xuất khẩu	421.200.000	4.568.408.144
Nhận chia cổ tức	-	2.900.000.000
Góp vốn điều lệ	-	2.000.000.000
Thuê container ủy thác xuất khẩu	-	252.141.190
Xuất bán vật tư	-	71.653.500
Mua tài sản	-	80.750.000
Phí ủy thác xuất khẩu	5.652.606	25.658.370
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF		
Chi tạm ứng tiền hàng	86.089.100.000	46.650.000.000
Góp vốn bằng tiền	13.594.580.000	22.500.000.000
Mua sắm tài sản cố định	1.200.000.000	370.000.000
F17 bán tài sản	135.000.000	-
Mua dụng cụ, trang bị nhà ở	25.000.000	137.165.818
Doanh thu bán hàng, bán vật tư	63.110.453	78.780.000
Mua thành phẩm	4.666.170.400	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood F.89		
Ứng tiền hàng ủy thác	22.350.000.000	-
Nhập mua thành phẩm	97.022.996.437	65.189.425.585
Hàng ủy thác xuất khẩu	21.070.961.849	21.045.030.483
Nhận chia cổ tức	-	3.550.000.000
Góp vốn bằng tiền	-	3.363.310.432
Mua tài sản	-	500.000.000
Bán thùng cách nhiệt	54.079.634	190.040.000
Tiền thuê vận chuyển	164.909.091	-
Phí thuê vận chuyển, ủy thác xuất khẩu	423.967.698	697.178.318
Chi phí xây dựng kho	-	135.403.744
Cung cấp lắp đặt thiết bị	1.402.000.000	-
Cần trừ công nợ	1.783.087.597	2.922.466.288

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17		
Góp vốn điều lệ	40.620.000.000	5.273.000.000
Doanh thu bán hàng, ăn uống tại nhà hàng	24.087.544	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	2.990.993.850	-
F17 ứng trước tiền hàng (xem thuyết minh V.3)	2.990.993.850	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	32.791.600	9.643.068.843
Phải thu tiền hàng	32.791.600	-
Phải thu khác (xem thuyết minh số V.4)	-	9.643.068.843
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood F.89	-	1.600.000
Phải thu tiền hàng	-	1.600.000
Công ty Cổ phần du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	1.231.000	-
Phải thu tiền ăn uống tại nhà hàng	433.000	-
Phải thu khác (tiền hàng)	798.000	-
Cộng nợ phải thu	3.025.016.450	9.644.668.843
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	3.306.741.819	176.395.829
Phải trả tiền mua hàng (xem thuyết minh V.18)	3.306.741.819	176.395.829
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood F.89	13.109.200.515	7.350.290.923
Phải trả tiền mua hàng, phí ủy thác (xem thuyết minh số V.18)	13.109.200.515	7.214.887.179
Phải trả khác (xem thuyết minh số V.23)	-	135.403.744
Cộng nợ phải trả	16.415.942.334	7.526.686.752

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.484.317.632	131.161.789.149	107.484.317.632	131.161.789.149
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	255.960.000	229.000.000	255.960.000	229.000.000
Phải thu khách hàng	94.700.315.769	41.435.785.918	94.700.315.769	41.435.785.918
Các khoản phải thu khác	2.605.964.166	13.463.932.027	2.605.964.166	13.463.932.027
Cộng	205.046.557.567	186.290.507.094	205.046.557.567	186.290.507.094
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	185.726.283.469	159.755.992.228	185.726.283.469	159.755.992.228
Phải trả cho người bán	25.222.604.717	14.385.923.442	25.222.604.717	14.385.923.442
Các khoản phải trả khác	17.114.967.881	14.291.212.515	17.114.967.881	14.291.212.515
Cộng	228.063.856.067	188.433.128.185	228.063.856.067	188.433.128.185

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11) để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản cố định hữu hình	90.187.716.448	80.905.371.022
Quyền sử dụng đất	7.798.395.876	7.422.591.776
Cộng	97.986.112.324	88.327.962.798

Ngoài ra, Công ty đã dùng khoản tiền gửi ngân hàng 43.167.040.603 VND (xem thuyết minh số V.1), khoản phải thu khách hàng 95.952.977.675 VND (xem thuyết minh số V.2), toàn bộ cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF với mệnh giá 87.094.580.000 VND (xem thuyết minh số V.13) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	185.726.283.469	-	185.726.283.469
Phải trả cho người bán	25.222.604.717	-	25.222.604.717
Các khoản phải trả khác	16.537.317.881	577.650.000	17.114.967.881
Cộng	227.486.206.067	577.650.000	228.063.856.067
Số đầu năm			
Vay và nợ	159.755.992.228	-	159.755.992.228
Phải trả cho người bán	14.385.923.442	-	14.385.923.442
Các khoản phải trả khác	13.521.012.515	770.200.000	14.291.212.515
Cộng	187.662.928.185	770.200.000	188.433.128.185

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	<u>Thay đổi tỷ giá USD (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</u>
Năm nay		
Tăng	+ 2%	(699.294.026)
Giảm	- 2%	699.294.026
Năm trước		
Tăng	+ 2%	532.081.774
Giảm	- 2%	(532.081.774)

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	<u>Thay đổi lãi suất (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</u>
Năm nay		
Tăng	+ 02	(2.785.894.252)
Giảm	- 02	2.785.894.252
Năm trước		
Tăng	+ 02	(2.396.339.883)
Giảm	- 02	2.396.339.883

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

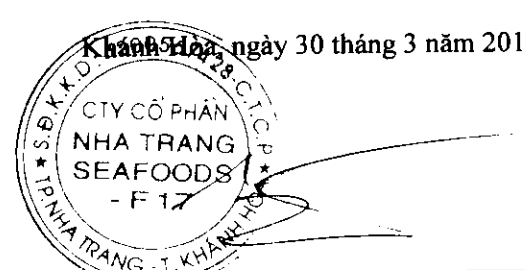
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Thông tin khác

Công ty đã bị kiện chống bán phá giá hàng thủy sản tại thị trường Mỹ. Công ty cũng đã thuê các luật sư tại Mỹ để bảo vệ quyền lợi Công ty trong việc giải trình các hồ sơ cho cơ quan kiểm tra Lệnh chống bán phá giá tôm nước ấm đông lạnh từ Việt Nam sang Mỹ. Trong năm Công ty đã trích trước phí phải trả luật sư theo hợp đồng ký ngày 8 tháng 02 năm 2010 với bên Thompson Hine LLP. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này nhưng luật sư của Công ty cho rằng khả năng Công ty bị thua kiện là rất thấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin theo cam kết là 10.500.000.000 VND. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động và đang làm các thủ tục giải thể. Công ty có thể phải gánh chịu một phần lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư theo tỷ lệ vốn điều lệ cam kết.


Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng


Ngô Văn Ích
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường Hai Tháng Tư, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	83.250.000.000	(1.437.300.000)	9.112.098.295	3.299.641.085	101.101.301.369	195.325.740.749
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	52.202.359.977	52.202.359.977
Tăng vốn và bù đắp thặng dư vốn từ lợi nhuận	66.599.960.000	1.437.300.000	-	-	(68.037.260.000)	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	16.649.960.000	-	(16.649.960.000)	-	-	-
Tăng vốn từ tiền mua cổ phiếu	40.000	-	-	-	-	40.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	11.238.602.630	5.025.358.915	(27.502.564.175)	(11.238.602.630)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(3.392.520.850)	(3.392.520.850)
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.981.154.635)	(1.981.154.635)
Số dư cuối năm trước	166.499.960.000	-	3.700.740.925	8.325.000.000	52.390.161.686	230.915.862.611
Số dư đầu năm nay	166.499.960.000	-	3.700.740.925	8.325.000.000	52.390.161.686	230.915.862.611
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	106.625.726.422	106.625.726.422
Chia cổ tức	-	-	-	-	(41.624.990.000)	(41.624.990.000)
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(4.845.365)	(4.845.365)
Số dư cuối năm nay	166.499.960.000	-	3.700.740.925	8.325.000.000	117.386.052.743	295.911.753.668

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2012



Ngô Văn Ich

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Trần Thiện Tâm

Kế toán trưởng